

UBND TỈNH NINH THUẬN
VĂN PHÒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số *2137*/VPUB-KTTH
V/v triển khai thực hiện Công
văn số 2051/BTTTT-THH
ngày 04/6/2020 của Bộ Thông
tin và Truyền thông

Ninh Thuận, ngày *17* tháng 6 năm 2020

Kính gửi: Sở Thông tin và Truyền thông

Tiếp nhận Công văn số 2051/BTTTT-THH ngày 04/6/2020 của Bộ Thông tin và Truyền thông về việc hướng dẫn triển khai một số nhiệm vụ thực thi Nghị định số 47/2020/NĐ-CP,

Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh có ý kiến như sau:

Giao Sở Thông tin và Truyền thông chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan trên cơ sở hướng dẫn của Bộ Thông tin và Truyền thông tại Công văn trên về quản lý, kết nối chia sẻ dữ liệu số của các cơ quan nhà nước; khẩn trương tham mưu cụ thể hóa các công việc để triển khai thực hiện trên địa bàn tỉnh đảm bảo kịp thời, hiệu quả, đúng quy định, trình Chủ tịch UBND tỉnh *trước ngày 15/7/2020* để xem xét, chỉ đạo thực hiện .

Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh thông báo đề quý Sở biết, thực hiện./.

(Gửi kèm Công văn số 2051/BTTTT-THH ngày 04/6/2020 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông)

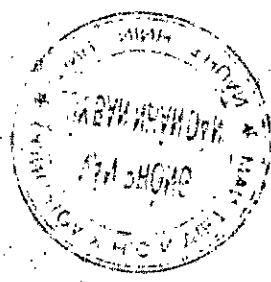
Nơi nhận:

- Như trên;
- Chủ tịch, PCT. UBND tỉnh Lê Văn Bình;
- VPUB: LĐ;
- Lưu: VT, KTTH(TB).

KT. CHÁNH VĂN PHÒNG
PHÓ CHÁNH VĂN PHÒNG



Nguyễn Đình Tuấn



Số: 2051 /BT/TTT-THH

Hà Nội, ngày 04 tháng 06 năm 2020

V/v hướng dẫn triển khai một số nhiệm vụ
thực thi Nghị định số 47/2020/NĐ-CP

Kính gửi:

- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

Ngày 9/4/2020, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 47/2020/NĐ-CP về quản lý, kết nối, chia sẻ dữ liệu số của cơ quan nhà nước (sau đây gọi tắt là Nghị định). Để triển khai thực thi Nghị Định này, Bộ Thông tin và Truyền thông đề nghị các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương tổ chức triển khai một số nội dung chính sau:

1. Về việc ban hành danh mục các cơ sở dữ liệu quốc gia

Khoản 1 Điều 55 của Nghị định quy định “Chủ quản cơ sở dữ liệu quốc gia đã được các cấp có thẩm quyền phê duyệt có trách nhiệm rà soát và thực hiện gửi các thông tin theo quy định tại khoản 2 Điều 12 của Nghị định này trong thời hạn 03 tháng kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực về Bộ Thông tin và Truyền thông để Bộ Thông tin và Truyền thông xây dựng danh mục các cơ sở dữ liệu quốc gia trình Chính phủ phê duyệt”. Vì vậy, Bộ Thông tin và Truyền thông đề nghị chủ quản cơ sở dữ liệu quốc gia:

a) Khẩn trương rà soát các văn bản quy phạm pháp luật, các chủ trương về việc xây dựng các cơ sở dữ liệu quốc gia, bao gồm cả việc rà soát danh mục Cơ sở dữ liệu quốc gia đã được ban hành tại Quyết định số 714/QĐ-TTg ngày 22/5/2015 của Thủ tướng Chính phủ về danh mục cơ sở dữ liệu quốc gia ưu tiên triển khai tạo nền tảng phát triển Chính phủ điện tử.

b) Đối chiếu với các quy định tại khoản 3, Điều 12 của Nghị định để xác định dữ liệu, cơ sở dữ liệu được xếp vào vào loại cơ sở dữ liệu quốc gia.

c) Xây dựng và gửi về Bộ Thông tin và Truyền thông thuyết minh đề xuất cơ sở dữ liệu quốc gia theo nội dung tại khoản 2, Điều 12 của Nghị định để Bộ Thông tin và Truyền thông để tổng hợp trình Chính phủ ban hành danh mục các cơ sở dữ liệu quốc gia.

đ) Thời gian gửi về Bộ Thông tin và Truyền thông trước 30/7/2020.

Hướng dẫn xác định phạm vi cơ sở dữ liệu quốc gia và thuyết minh tại Phụ lục kèm theo.

2. Về ban hành danh mục cơ sở dữ liệu của bộ, ngành, địa phương:

Khoản 2, Điều 55 của Nghị định quy định: “Đối với cơ sở dữ liệu của bộ, ngành, địa phương được quy định tại Điều 11 của Nghị định này, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có trách nhiệm tổ chức rà soát và ban hành danh mục cơ sở dữ liệu của bộ, ngành, địa phương mình trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực và cập nhật khi có sự thay đổi.” Vì vậy, Bộ Thông tin và Truyền thông đề nghị các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các tỉnh thành phố trực thuộc trung ương:

a) Đối với cơ quan bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ:

- Chỉ đạo Đơn vị chuyên trách công nghệ thông tin của mình rà soát các cơ sở dữ liệu bao gồm: Cơ sở dữ liệu dùng chung của bộ, cơ sở dữ liệu dùng chung của ngành theo các nội dung được quy định tại khoản 4, Điều 11 của Nghị định.

Việc xác định phạm vi cơ sở dữ liệu dùng chung của bộ, của ngành như sau:

+ Cơ sở dữ liệu dùng chung của bộ có phạm vi phục vụ chính là chia sẻ dữ liệu trong phạm vi bộ; cơ sở dữ liệu dùng chung của ngành có phạm vi phục vụ chính là chia sẻ dữ liệu của trong ngành từ trung ương đến địa phương.

+ Nếu dữ liệu được thu thập và quản lý trong cơ sở dữ liệu ngành thì không thu thập vào cơ sở dữ liệu dùng chung của bộ riêng rẽ và độc lập.

+ Trong trường hợp có sự chồng lấn về phạm vi của cơ sở dữ liệu dùng chung của ngành, của bộ với cơ sở dữ liệu quốc gia thì phải đồng bộ, cập nhật từ cơ sở dữ liệu quốc gia tuân thủ quy định tại Điều 42 của Nghị định (trừ dữ liệu là nguồn đầu vào để cập nhật cơ sở dữ liệu quốc gia theo quy định của pháp luật liên quan).

- Ban hành hoặc cập nhật danh mục cơ sở dữ liệu của bộ, ngành mình theo nội dung được quy định của khoản 4, Điều 12 của Nghị định. Việc ban hành cần thực hiện sớm để làm cơ sở các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương triển khai xây dựng danh mục cơ sở dữ liệu của địa phương tránh chồng lấn với các cơ sở dữ liệu dùng chung của ngành.

b) Đối với các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương:

- Chỉ đạo Sở Thông tin và Truyền thông phối hợp với các đơn vị liên quan rà soát các cơ sở dữ liệu dùng chung của địa phương theo quy định tại khoản 3, Điều 11 của Nghị định, bổ sung, cập nhật thông tin theo quy định tại khoản 4, Điều 11 của Nghị định.

Việc xác định phạm vi cơ sở dữ liệu dùng chung của địa phương như sau:

+ Cơ sở dữ liệu dùng chung của địa phương là các cơ sở dữ liệu được các văn bản pháp luật giao địa phương xây dựng, quản lý, vận hành hoặc xây dựng theo nhu cầu phát triển Chính quyền điện tử của địa phương, đáp ứng nhu cầu truy cập, sử dụng dữ liệu của các đơn vị tại địa phương.

+ Không được thu thập để xây dựng chồng lấn với các cơ sở dữ liệu của Bộ, của ngành đã xây dựng. Trong trường hợp phạm vi cơ sở dữ liệu dùng chung địa phương có sự chồng lấn về phạm vi thông tin với cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu dùng chung của Bộ, ngành thì dữ liệu chồng lấn phải khai thác, đồng bộ từ cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu dùng chung của bộ, ngành và phải có cơ chế đồng bộ, cập nhật từ cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu dùng chung của bộ, ngành và thực hiện tuân thủ quy định tại Điều 42 của Nghị định (trừ dữ liệu là nguồn đầu vào để cập nhật lên cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu của bộ, ngành theo quy định của pháp luật liên quan).

+ Khi xây dựng danh mục các cơ sở dữ liệu của địa phương nếu có vướng mắc về sự chồng lấn với các cơ sở dữ liệu của bộ, ngành đề nghị có văn bản xin ý kiến của các bộ, ngành liên quan để có hướng dẫn giải quyết.

+ Trường hợp địa phương thu thập và xây dựng các cơ sở dữ liệu để phục vụ nhu cầu trước mắt của mình trước khi các bộ, ngành xây dựng các cơ sở dữ liệu dùng chung của ngành. Việc thu thập và xây dựng dữ liệu phải tuân thủ theo các quy định về dữ liệu chuyên ngành và hướng dẫn của bộ, ngành liên quan (nếu có) để đảm bảo khả năng sử dụng lại dữ liệu khi bộ, ngành thu thập xây dựng các cơ sở dữ liệu dùng chung cho ngành.

c) Ban hành hoặc cập nhật danh mục cơ sở dữ liệu của bộ, ngành địa phương mình theo đúng quy định của khoản 4, Điều 12 của Nghị định. Quyết định phải được ban hành trước ngày 25/11/2020.

3. Về đầu mối phụ trách kết nối và chia sẻ dữ liệu

Khoản 1, Điều 7 của Nghị định quy định các cơ quan nhà nước phải chỉ định một cán bộ làm đầu mối phụ trách kết nối và chia sẻ dữ liệu. Vì vậy, đề nghị các bộ, ngành, địa phương có quyết định giao nhiệm vụ cho cán bộ đầu mối thực hiện nhiệm vụ này, cụ thể như sau:

- Mỗi cơ quan, đơn vị thuộc, trực thuộc cơ quan cấp bộ, cấp tỉnh (có xây dựng, quản lý cơ sở dữ liệu): chỉ định một cán bộ làm đầu mối để phụ trách quản lý, chia sẻ dữ liệu với các đơn vị khác trong nội bộ cơ quan cấp bộ, cấp tỉnh (đầu mối cấp cơ quan, đơn vị về dữ liệu).

- Trên phạm vi cấp bộ, cấp tỉnh: Chỉ định một đầu mối chịu trách nhiệm quản lý, kết nối dữ liệu ra bên ngoài phạm vi bộ, tỉnh mình (Đầu mối cấp bộ, cấp tỉnh về dữ liệu).

- Các cán bộ đầu mối phải là các cán bộ chuyên môn, kỹ thuật có khả năng tham mưu, triển khai các nhiệm vụ liên quan đến quản trị dữ liệu theo quy định của Nghị định.

- Người đứng đầu của bộ, ngành, địa phương quy định rõ trách nhiệm và thẩm quyền đối với đầu mối chịu trách nhiệm về quản lý, kết nối chia sẻ dữ liệu của bộ, ngành, địa phương mình trong việc thực hiện nhiệm vụ.

- Các cán bộ làm đầu mối cấp bộ, cấp tỉnh và các cán bộ làm đầu mối cấp cơ quan, đơn vị có trách nhiệm kết nối, phối hợp chặt chẽ nhằm thực hiện quản lý, kết nối chia sẻ dữ liệu trong nội bộ của bộ, ngành, địa phương và ra bên ngoài phạm vi bộ, ngành, địa phương mình.

- Thông tin về các đầu mối phải được đăng tải trên Cổng dữ liệu quốc gia để phục vụ mục đích liên hệ, tổ chức triển khai trao đổi dữ liệu.

4. Rà soát cơ sở dữ liệu, hệ thống thông tin đã và đang thực hiện bảo đảm tuân thủ quy định phục vụ kết nối, chia sẻ dữ liệu

a) Rà soát, tổng hợp và đánh giá toàn bộ hiện trạng dữ liệu trong phạm vi của mình quản lý đang được lưu trữ trong các cơ sở dữ liệu để xác định chất lượng dữ liệu, khả năng chia sẻ và sử dụng bởi các cơ quan bên ngoài theo quy định tại khoản 1 và 2, Điều 9 của Nghị định. Trong trường hợp dữ liệu không đảm bảo sử dụng cho nhiều mục đích khác nhau thì cần đưa vào kế hoạch hoàn thiện, nâng cấp dữ liệu để sử dụng cho việc chia sẻ rộng rãi.

b) Đánh giá các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu phục vụ kết nối, chia sẻ dữ liệu:

Khoản 2, Điều 27 của Nghị định quy định việc xây dựng các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu trong cơ quan nhà nước phải có hạng mục phục vụ kết nối, chia sẻ dữ liệu. Vì vậy đề nghị các bộ, ngành, địa phương trong phạm vi của mình rà soát các cơ sở dữ liệu, hệ thống thông tin quản lý và chia sẻ dữ liệu cần phải đáp ứng các yêu cầu:

+ Có các mô đun, thành phần và dịch vụ được cung cấp ra bên ngoài.

+ Chuẩn hóa các thông điệp dữ liệu, dữ liệu được các dịch vụ dữ liệu cung cấp.

+ Rà soát để đảm bảo khả năng đáp ứng được các yêu cầu tại Mục 4 Chương III của Nghị định về quản lý, kết nối, chia sẻ dữ liệu bảo đảm khả năng kiểm soát dữ liệu sau khi chia sẻ.

Đối với các dự án công nghệ thông tin đang triển khai chưa đáp ứng được yêu cầu thì thực hiện điều chỉnh dự án cho phù hợp. Đối với các dự án đang triển khai nhưng không xây dựng cơ sở dữ liệu: phải đảm bảo có các thành phần, môđun để kết nối, sử dụng dữ liệu do các hệ thống bên ngoài cung cấp. Bổ sung các nội dung về quản lý, vận hành và duy trì phục vụ cung cấp chia sẻ dữ liệu.

Đối với các cơ sở dữ liệu, hệ thống thông tin đang hoạt động chưa đáp ứng được yêu cầu thì xác định các nội dung công việc đưa vào kế hoạch thực hiện khi nâng cấp bảo đảm khả năng tiếp nhận kết nối, chia sẻ dữ liệu (khoản 3, Điều 55).

c) Lập danh sách về dịch vụ chia sẻ dữ liệu kèm thông tin mô tả, đăng tải, công bố các dịch vụ dữ liệu theo quy định:

Các cơ quan chỉ đạo đầu mối phụ trách về kết nối, chia sẻ dữ liệu có trách nhiệm: lập danh sách dịch vụ chia sẻ dữ liệu kèm thông tin mô tả theo quy định tại khoản 3, Điều 24 của Nghị định, thực hiện đăng tải, công bố theo quy định tại Điều 25 của Nghị định và duy trì đảm bảo tính cập nhật của thông tin được đăng tải.

5. Quy chế khai thác, sử dụng dữ liệu chia sẻ

- Rà soát cập nhật các quy chế dữ liệu hiện có để đảm bảo phù hợp các nội dung quy định của Nghị định.

- Thời điểm xây dựng và ban hành quy chế phù hợp với tiến độ triển khai các dự án xây dựng cơ sở dữ liệu đã và đang triển khai.

- Cơ quan quản lý dữ liệu xây dựng quy chế khai thác, sử dụng dữ liệu chia sẻ có thể ban hành quy chế chung hoặc riêng cho từng nhóm chủ đề dữ liệu hoặc cơ sở dữ liệu (khoản 1, Điều 22) nhưng phải bảo đảm sự thống nhất về mặt khai thác, sử dụng đối với loại dữ liệu sử dụng trong phạm vi của mình.

Một số yêu cầu đối với quy chế:

- Phải chỉ rõ thời hạn sử dụng dữ liệu chia sẻ đối với từng loại dữ liệu, từng phương thức chia sẻ dữ liệu (khoản 3, Điều 23).

- Các trường hợp khai thác, sử dụng dữ liệu và phạm vi dữ liệu được khai thác, sử dụng gắn với các trường hợp đó (điểm b, khoản 2, Điều 52).

- Phải chỉ rõ dữ liệu, dịch vụ dữ liệu yêu cầu hoặc không yêu cầu tài khoản xác thực để khai thác dữ liệu (khoản 1, Điều 40).

- Thời gian lưu trữ nhật ký khi cung cấp dữ liệu và khai thác dữ liệu theo quy định tại Điều 45 của Nghị định.

- Quy trình thực hiện, các hoạt động phải tuân thủ và phương án xử lý vi phạm.

- Trách nhiệm, nghĩa vụ khi khai thác, sử dụng dữ liệu phù hợp với các quy định của pháp luật.

- Các nội dung cần thiết khác phù hợp với việc quản lý chia sẻ, khai thác, sử dụng dữ liệu theo thực tế.

6. Xây dựng kế hoạch và triển khai cung cấp dữ liệu mở

a) Về rà soát dữ liệu đã cung cấp trên Internet

Tổ chức rà soát lại dữ liệu của mình đã được đăng tải trên cổng/trang thông tin điện tử và các hình thức cung cấp rộng rãi trên Internet và xác định sự phân loại đối với dữ liệu:

- Nếu dữ liệu đã đăng tải phù hợp với quy định về dữ liệu mở tại Mục 3 Chương II của Nghị định thì thông báo rõ cho người sử dụng là dữ liệu mở và việc sử dụng dữ liệu mở tuân thủ quy định tại Điều 18 của Nghị định.

- Nếu dữ liệu là hình thức công bố thông tin rộng rãi của cơ quan nhà nước và không thuộc hạng mục dữ liệu mở cần thể hiện rõ để người sử dụng biết và khai thác phù hợp.

b) Về xây dựng kế hoạch và triển khai cung cấp dữ liệu mở

Thực hiện quy định tại khoản 2, Điều 17 Nghị định, đề nghị các cơ quan cấp bộ, cấp tỉnh tổ chức triển khai một số nhiệm vụ về cung cấp dữ liệu mở của cơ quan nhà nước như sau:

- Rà soát và xây dựng danh mục dữ liệu mở của cơ quan cấp bộ/cấp tỉnh. Trước mắt, căn cứ và tình hình thực tế, các cơ quan cần nhắc mở một số loại dữ liệu sau:

+ Dữ liệu hiện tại đã được cung cấp dưới dạng thông tin công khai rộng rãi dưới dạng văn bản.

+ Các loại dữ liệu thống kê, dữ liệu dùng chung, dữ liệu đã được thông tin rộng rãi trên các trang/cổng thông tin điện tử.

+ Dữ liệu về quan trắc, dữ liệu IOT đã được thu thập phản ánh về các hoạt động công cộng, hạ tầng công cộng.

+ Các loại dữ liệu khác không vi phạm các quy định của pháp luật và phù hợp với các quy định tại Điều 20 của Nghị định.

- Xây dựng và ban hành kế hoạch cung cấp dữ liệu mở trong phạm vi cơ quan mình. Phân đấu mỗi đơn vị trực thuộc cung cấp và duy trì cung cấp ít nhất một bộ dữ liệu mở.

- Giao đầu mỗi phụ trách kết nối và chia sẻ dữ liệu của bộ, tỉnh mình có trách nhiệm đôn đốc, thực thi kế hoạch; tập hợp dữ liệu và đăng tải dữ liệu mở trên Cổng dữ liệu quốc gia.

7. Rà soát các văn bản của cấp bộ, ngành, địa phương để lên kế hoạch, xây dựng, sửa đổi, thay thế phù hợp

Thực hiện khoản 4, Điều 55 của Nghị định, Bộ Thông tin và Truyền thông đề nghị các Bộ, ngành, địa phương thực hiện các nội dung sau:

a) Giao đơn vị chuyên trách công nghệ thông tin làm đầu mối các đơn vị có liên quan phối hợp tổ chức rà soát các văn bản pháp luật cấp bộ, cấp tỉnh các văn bản, quy định trong phạm vi ban hành của mình chưa phù hợp với các quy định của Nghị định này. Xây dựng kế hoạch và báo cáo người có thẩm quyền phương án chỉnh sửa và tổ chức chỉnh sửa các văn bản, quy định để phù hợp với các quy định của Nghị định.

b) Đối với các văn bản, quy định không thuộc phạm vi mình ban hành, tổng hợp gửi các cơ quan ban hành văn bản đề nghị sửa đổi (đồng gửi Bộ Thông tin và Truyền thông để theo dõi thực hiện).

8. Về quản trị dữ liệu, quản trị chia sẻ, khai thác dữ liệu

Theo quy định tại Điều 14 của Nghị định, các cơ quan nhà nước phải thực hiện các hoạt động quản trị dữ liệu, quản trị chia sẻ, khai thác dữ liệu. Đây là một nội dung mới trong việc xác định dữ liệu sẽ là trọng tâm trong quá trình xây dựng Chính phủ điện tử hướng tới Chính phủ số. Việc quản trị dữ liệu, quản trị chia sẻ, khai thác dữ liệu phải đảm bảo yêu cầu:

- Quản lý chặt chẽ các nguồn tài nguyên dữ liệu của cơ quan nhà nước.
- Có chiến lược, kế hoạch phát triển dữ liệu lâu dài, từng bước nâng cấp, hoàn thiện nâng cao chất lượng, số lượng dữ liệu.
- Nâng cao khả năng chia sẻ dữ liệu giữa các cơ quan nhà nước để sử dụng chung dữ liệu.
- Tận dụng tối đa nguồn dữ liệu để phục vụ mục đích cải cách hành chính, hỗ trợ quản lý chỉ đạo điều hành.

Để thực hiện yêu cầu này, trước mắt, đề nghị các bộ, ngành, địa phương tổ chức thực hiện một số nội dung sau:

a) Về Chiến lược dữ liệu

Khoản 2, Điều 14 của Nghị định quy định các cơ quan cấp bộ, cấp tỉnh có trách nhiệm tổ chức thực hiện các hoạt động tại khoản 1, Điều 14 của Nghị định trong đó có xây dựng chiến lược dữ liệu, kế hoạch phát triển dữ liệu, các cơ sở dữ

liệu bảo đảm khả năng kết nối, chia sẻ, sử dụng chung dữ liệu trong cơ quan nhà nước. Vì vậy, để bảo đảm sự thống nhất về định hướng phát triển dữ liệu trong Chính phủ điện tử. Việc xây dựng Chiến lược dữ liệu được thực hiện như sau:

- Bộ Thông tin và Truyền thông sẽ phối hợp với các bộ, ngành liên quan xây dựng và trình cấp có thẩm quyền ban hành Chiến lược dữ liệu quốc gia.

- Trên cơ sở Chiến lược dữ liệu quốc gia, các cơ quan cấp bộ, cấp tỉnh sẽ xây dựng chiến lược dữ liệu của mình phù hợp với Chiến lược dữ liệu quốc gia.

b) Về kiểm tra đánh giá duy trì dữ liệu

- Giao các cơ quan, đơn vị thuộc, trực thuộc đưa vào nhiệm vụ kiểm tra, đánh giá duy trì dữ liệu hàng năm. Đầu mỗi cấp cơ quan, đơn vị chịu trách nhiệm lên kế hoạch thực hiện kiểm tra, đánh giá duy trì nội bộ. Kết quả gửi báo cáo về cho đơn vị chuyên trách về công nghệ thông tin / Sở Thông tin và Truyền thông theo quy định tại khoản 4, Điều 16 của Nghị định.

- Giao đơn vị chuyên trách về công nghệ thông tin thuộc bộ, ngành, địa phương thực hiện lập và triển khai chương trình, kế hoạch kiểm tra, đánh giá dữ liệu trình Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương phê duyệt. Tùy thuộc vào năng lực thực hiện, chương trình/ kế hoạch có thể lựa chọn một số đơn vị trực thuộc để đánh giá, kiểm tra trên cơ sở kết quả đánh giá kiểm tra nội bộ của đơn vị trực thuộc. Chương trình/kế hoạch kiểm tra sẽ thực hiện theo chu kỳ luân chuyển giữa các đơn vị và giữa các năm để đảm bảo các đơn vị đều được kiểm tra, đánh giá. Đối với các đơn vị chưa được đánh giá, đơn vị chuyên trách về công nghệ thông tin thuộc bộ, ngành, địa phương có trách nhiệm đánh giá qua báo cáo tự kiểm tra, đánh giá của các đơn vị đã gửi. Việc thực hiện đánh giá thực hiện theo Điều 16 của Nghị định.

Lưu ý về các nội dung sẽ kiểm tra, đánh giá:

- Kiểm kê các hạng mục nội dung dữ liệu bao gồm: các cơ sở dữ liệu, phạm vi dữ liệu đã số hóa, chưa số hóa, còn phải số hóa, các đối tượng dữ liệu và số lượng các đối tượng đã thu thập, trường của các đối tượng dữ liệu. Sự thay đổi của dữ liệu từ thời điểm đánh giá liền kề trước đó.

- Sự tuân thủ, phù hợp với xác tiêu chuẩn, quy chuẩn, quy định về dữ liệu đã được các cơ quan ban hành theo quy định của pháp luật.

- Đánh giá chất lượng dữ liệu bao gồm: độ chính xác dữ liệu, độ toàn vẹn của dữ liệu, dữ liệu bất thường đảm bảo dữ liệu được quản lý, duy trì đúng theo định hướng khi thực hiện xây dựng và đảm bảo mục đích sử dụng đã đặt ra.

- Đánh giá về duy trì, vận hành, cập nhật dữ liệu, nhật ký cập nhật, khai thác của dữ liệu đảm bảo thực hiện đúng các quy định, quy chế hiện có về dữ liệu.

- Đánh giá về chia sẻ dữ liệu, đối tượng sử dụng, mục đích chia sẻ phù hợp với các quy định, quy chế khai thác, sử dụng dữ liệu chia sẻ. Rà soát và lập danh sách các đối tượng được chia sẻ dữ liệu, dữ liệu chia sẻ và tình hình về tuân thủ quy định trong quá trình khai thác dữ liệu được chia sẻ.

Đơn vị chuyên trách về công nghệ thông tin thuộc bộ, ngành, địa phương có trách nhiệm hướng dẫn các cơ quan, đơn vị trong phạm vi cơ quan cấp bộ, cấp tỉnh mình thực hiện trên cơ sở các quy định của pháp luật và hướng dẫn của Bộ Thông tin và Truyền thông.

9. Về tổ chức và thực hiện kết nối, chia sẻ dữ liệu

Nghị định đã quy định cụ thể về việc thực hiện kết nối, chia sẻ dữ liệu, các loại hình kết nối, chia sẻ và trình tự kết nối, chia sẻ dữ liệu tại Chương III của Nghị định. Khoản 1, Điều 32 Nghị định giao người đứng đầu của bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có trách nhiệm chỉ đạo quản lý, kết nối, chia sẻ dữ liệu trong nội bộ bộ, ngành, địa phương mình quản lý. Vì vậy, đề nghị các bộ trưởng, thủ trưởng cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương tổ chức quán triệt thực thi các quy định của Nghị định; chỉ đạo các cơ quan chuyên trách công nghệ thông tin thúc đẩy kết nối, chia sẻ dữ liệu trong nội bộ bộ, ngành, địa phương mình; phối hợp với Cục Tin học hóa, Bộ Thông tin và Truyền thông tăng cường kết nối, chia sẻ dữ liệu với bộ, ngành, địa phương khác để khai thác dữ liệu.

10. Về các nội dung khác

Tổ chức và thực hiện tuyên truyền các nội dung của nghị định đến các cơ quan đơn vị trong bộ, ngành, địa phương mình. Sở Thông tin và Truyền thông các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chỉ đạo các cơ quan báo chí tuyên truyền về nội dung Nghị định đến các tổ chức, doanh nghiệp cá nhân có liên quan.

Ưu tiên bố trí kinh phí để triển khai một số nhiệm vụ trước mắt là các nhiệm vụ tổ chức thực hiện Nghị định này; nhiệm vụ chuẩn hóa các cơ sở dữ liệu đã xây dựng để đảm bảo khả năng chia sẻ dữ liệu và thúc đẩy khai thác, sử dụng dữ liệu vào các hoạt động chỉ đạo điều hành.

Giao cơ quan chuyên trách về công nghệ thông tin của bộ, ngành, địa phương nghiên cứu các nội dung quy định để tham mưu, tổ chức thực hiện, thực hiện các nội dung cho phù hợp.

Trên đây là hướng dẫn triển khai một số nhiệm vụ thực hiện khi Nghị định số 47/2020/NĐ-CP, Bộ Thông tin và Truyền thông, đề nghị các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan trực thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương tổ chức thực hiện để đảm bảo tuân thủ các quy định của Nghị định.

Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc đề nghị phản hồi về Bộ Thông tin và Truyền thông để có hướng dẫn kịp thời.

Nơi nhận:

- Như trên;
- TTgCP (để b/c);
- PTTg. Vũ Đức Đam (để b/c);
- Bộ trưởng (để b/c);
- Các thứ trưởng;
- Đơn vị chuyên trách CNTT của các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Sở TTTT các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Lưu: VT, THH. (200b)

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Ký bởi: Bộ thông tin và Truyền thông
Cơ quan: Bộ Thông tin và Truyền thông
Thời gian ký: 04/06/2020 17:30:26

Nguyễn Thành Hưng



PHỤ LỤC

Hướng dẫn xác định phạm vi cơ sở dữ liệu quốc gia và quyết minh đề xuất đưa vào danh mục cơ sở dữ liệu quốc gia

(Kèm theo Công văn số 1051 /BTTTT-THH ngày 09/6/2020 của Bộ Thông tin và Truyền thông)

1. Xác định cơ sở dữ liệu quốc gia và phạm vi của cơ sở dữ liệu quốc gia

Khoản 3, Điều 12 của Nghị định quy định cơ sở dữ liệu quốc gia phải đáp ứng một số các yêu cầu nhất định khi đưa vào danh mục các cơ sở dữ liệu quốc gia. Cơ sở dữ liệu quốc gia được xác định qua phạm vi dữ liệu được lưu trữ và quản lý trong cơ sở dữ liệu. Căn cứ trên các quy định này, việc xác định phạm vi dữ liệu trong cơ sở dữ liệu quốc gia cần lưu ý một số điểm sau:

- Cơ sở dữ liệu quốc gia cần xác định rõ phạm vi dữ liệu quốc gia đáp ứng khoản 3 Điều 12 của Nghị định. Trong trường hợp một hệ thống thông tin quản lý cả phần dữ liệu quốc gia và phần dữ liệu của bộ, ngành thì Cơ sở dữ liệu quốc gia chỉ xác định với phạm vi dữ liệu quốc gia.

- Dữ liệu đưa vào cơ sở dữ liệu quốc gia đảm bảo chính xác so với văn bản giấy của cơ quan nhà nước đã cung cấp (nếu có). Dữ liệu có tính pháp lý cao nhất trong các cơ sở dữ liệu trong cơ quan nhà nước. Khi các cơ sở dữ liệu của bộ, ngành, địa phương có sự sai khác với cơ sở dữ liệu quốc gia thì phải được cập nhật theo cơ sở dữ liệu quốc gia. (Dữ liệu cuối cùng sau khi hoàn thành các thủ tục hành chính).

- Cơ sở dữ liệu quốc gia phải có quy trình thu nhận dữ liệu, cập nhật rõ ràng để đảm bảo được tính pháp lý tương đương với văn bản giấy. Việc thu nhận, cập nhật phải được quản lý chặt chẽ và có khả năng truy vết quá trình cập nhật để xác định sự sai khác khi có sự không thống nhất xảy ra.

- Cơ sở dữ liệu quốc gia phải chứa dữ liệu chủ của Chính phủ. Việc xác định dữ liệu chủ qua các đối tượng thực thể nghiệp vụ cốt lõi và độc lập (ví dụ các đối tượng thực thể nghiệp vụ: người dân, doanh nghiệp, tổ chức, thửa đất...). Các đối tượng thực thể có thuộc tính giới hạn và đảm bảo yếu tố dùng chung cho các cơ quan nhà nước các cấp. Các cơ sở dữ liệu bộ, ngành, địa phương phải đảm bảo tham chiếu thống nhất đến dữ liệu chủ trong Cơ sở dữ liệu quốc gia cả về cấu trúc (các trường dữ liệu, kiểu dữ liệu, ràng buộc phạm vi dữ liệu) và nội dung dữ liệu (một thực thể trên thực tế được thu nhận bằng dữ liệu trong cơ sở dữ liệu của bộ, ngành, địa phương phải tương đương 1-1 trong cơ sở dữ liệu quốc gia).

- Cơ sở dữ liệu quốc gia được xác định với mục đích chia sẻ, sử dụng cho nhiều bộ, ngành, địa phương phục vụ giải quyết thủ tục hành chính, cải cách hành chính, đơn giản hóa thủ tục hành chính cho người dân, doanh nghiệp.

- Cơ sở dữ liệu quốc gia không chứa các dữ liệu: phục vụ nghiệp vụ tạm thời, dữ liệu giao dịch, dữ liệu trung gian trong quá trình thực hiện các hoạt động quản lý của các cơ quan nhà nước hoặc phục vụ riêng cho một hệ thống, phần mềm, ứng dụng cụ thể.

- Cần phân cấp rõ phạm vi cơ sở dữ liệu quốc gia và các cơ sở dữ liệu bộ, ngành, địa phương có liên quan theo thứ bậc phân cấp để đảm bảo tính tham chiếu, hạn chế chồng lấn và kiểm soát quá trình cập nhật dữ liệu.

2. Nội dung thuyết minh cơ sở dữ liệu quốc gia

Nội dung thuyết minh gửi về Bộ Thông tin và Truyền thông tổng hợp đề trình Chính phủ ban hành danh mục thực hiện theo khoản 2, Điều 12 của Nghị định như sau:

- Tên cơ sở dữ liệu quốc gia.

- Mục tiêu xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia: Mục tiêu bám sát vào các quy định của pháp luật bao gồm:

+ Khái niệm về cơ sở dữ liệu quốc gia tại Điều 58 Luật công nghệ thông tin

+ Các văn bản quy phạm pháp luật chuyên ngành có liên quan đề cập đến cơ sở dữ liệu quốc gia.

+ Mục tiêu đảm bảo sự thống nhất giữa nhiều cơ sở dữ liệu của bộ, ngành, địa phương đối với dữ liệu chủ được quy định trong cơ sở dữ liệu quốc gia

+ Nêu rõ định hướng giải quyết thủ tục hành chính, cải cách hành chính, đơn giản hóa thủ tục hành chính cho người dân, doanh nghiệp mà cơ sở dữ liệu quốc gia sẽ thực hiện.

- Phạm vi dữ liệu trong cơ sở dữ liệu quốc gia: nêu rõ đối tượng dữ liệu chủ, các trường tin chính của dữ liệu chủ; dữ liệu khác nếu có.

- Đối tượng và mục đích sử dụng, khai thác cơ sở dữ liệu quốc gia: nêu rõ từng đối tượng sử dụng và mục đích sử dụng của từng đối tượng.

- Nguồn thông tin sẽ xây dựng và cập nhật vào cơ sở dữ liệu quốc gia: nêu rõ từ thu thập, thủ tục hành chính, hồ sơ; từ cơ sở dữ liệu của bộ, ngành, địa phương nào...

- Phương thức chia sẻ dữ liệu từ cơ sở dữ liệu quốc gia: bắt buộc chia sẻ theo mặc định đối với dữ liệu chủ (khoản 1, Điều 34), các dữ liệu khác (nếu có) dữ liệu nào chia sẻ theo mặc định, dữ liệu nào chia sẻ theo yêu cầu đặc thù.